

GIẤY ỦY QUYỀN

Tôi tên là:..... STT:

Hiện sở hữu:.....cổ phần của Công ty CP Cấp Thoát nước Gia Lai.

Vì lý do cá nhân, tôi không thể tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Do vậy, tôi làm giấy này, ủy quyền cho:

Ông/Bà:.....

CMND/CCCD số:; cấp ngày:; tại:.....

Đại diện tôi tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề nêu trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 25/06/2021

CHỮ KÝ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

CHỮ KÝ NGƯỜI ỦY QUYỀN

XÁC NHẬN THAM DỰ ĐẠI HỘI

(Vui lòng điền đủ thông tin)

Tên cổ đông:

Người đại diện/ Người được ủy quyền (nếu có):

Điện thoại:

Tôi xác nhận đã trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Gia Lai được tổ chức vào 8g30, ngày 25/06/2021.

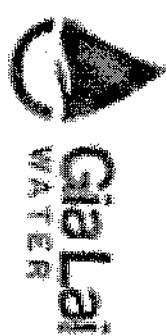
Ngày 03 tháng 06 năm 2021
CỔ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI

CƠ SỞ

388 Lý Thái Tổ – P. Yên Đỗ – Tp. Pleiku - Tỉnh Gia Lai
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5900189614
cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 05 năm 2019



THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Gia Lai, ngày 03 tháng 06 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2021/G.L.W/TM-HĐQT

Gia Lai, ngày 03 tháng 06 năm 2021

THƯ MỜI

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cấp Thoát Nước Gia Lai;
Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ/HĐQT ngày 28/04/2021 của HĐQT về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp Thoát nước Gia Lai trân trọng kính mời:

Ông (bà):

STT:

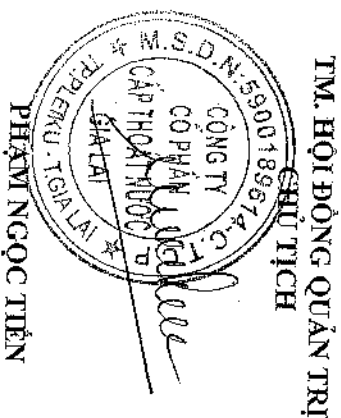
Đến dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Gia Lai.

Vào lúc: 8 giờ 30 ngày 25/06/2021

Tại: Khách sạn Khánh Linh, số 232 Nguyễn Tất Thành, P Phú Đồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Rất mong Quý Ông/Bà sắp xếp thời gian đến tham dự đúng giờ để Đại hội đạt kết quả.

Trân trọng.



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

8h30 - 9h00: - Cổ đông làm thủ tục đăng ký dự Đại hội
9h00 - 10h00:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 và điều hành;
 - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán;
 - Báo cáo một số nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông:
 - + Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2020;
 - + Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021;
 - + Tờ trình của HĐQT về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2021;
 - + Tờ trình về việc thay đổi điều lệ Công ty;
 - + Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - + Một số các nội dung phát sinh khác (nếu có).
- 10h00 - 11h00:**
- Đại hội thảo luận và biểu quyết các nội dung Đại Hội
 - Thông qua Nghị quyết Đại Hội.

Quý Cổ đông vui lòng nhận Tài liệu đại hội thường niên năm 2020 tại văn phòng 388 Lý Thái Tổ - P. Yên Đỗ - Tp. Pleiku - Tỉnh Gia Lai hoặc xem từ <http://capnuocgialai.com> kể từ ngày 03/06/2021

Ghi chú

- Khi đi xin vui lòng mang theo thư mời, giấy CMND/CCCD và tài liệu Đại hội.

- Quý cổ đông không tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự HĐQT xin giới thiệu 2 Thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty sau đây để Quý Cổ đông có thể ủy quyền tham dự Đại hội:

- | | |
|------------------------|--------------------------|
| - Ông Nguyễn Đình Vinh | - Thành viên HĐQT |
| - Bà Nguyễn Thị Quỳnh | - Thành viên BKS Công ty |

Sau khi ủy quyền (theo mẫu ở trang 4 thư này), Quý cổ đông vui lòng gửi về văn phòng ty trước 16h ngày 24/06/2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 02/2021/GLW/TM-HĐQT

Gia Lai, ngày 03 tháng 06 năm 2021

**Kính gửi: - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 - BAN KIỂM SOÁT**

Về việc: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trân trọng thông báo đến các Thành viên HĐQT, BKS đến dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty với các thông tin sau:

Thời gian họp: 8 giờ 30 – Thứ 6, ngày 25 tháng 6 năm 2021.

Địa điểm họp: Khách sạn Khánh Linh, số 232 Nguyễn Tất Thành, P Phù Đồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Chương trình đại hội:

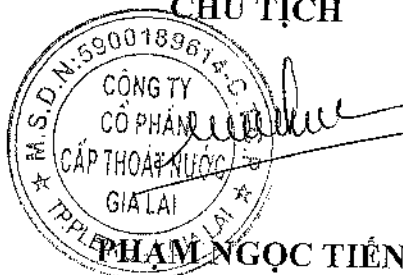
- Báo cáo hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban điều hành;
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán ;
- Báo cáo một số nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông:
 - Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;
 - Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021;
 - Tờ trình của HĐQT về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
 - Tờ trình về việc thay đổi điều lệ Công ty;
 - Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - Một số các nội dung phát sinh khác (nếu có).

Trân trọng cảm ơn và mong sự hiện diện đầy đủ của các Thành viên HĐQT, BKS.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Gia lai, ngày tháng 6 năm 2021

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1.** Quy chế tổ chức Đại hội cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai.
- Điều 2.** Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành đại hội.
- Điều 3.** Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

- Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông**

4.1. Điều kiện tham dự Đại hội

Người đại diện của cổ đông là pháp nhân, cổ đông là cá nhân hoặc đại diện cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách (01/6/2021) hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông đều có quyền tham dự.

4.2. Quyền của các cổ đông phổ thông khi tham dự đại hội

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông theo quy định của Điều lệ.
- Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội cổ đông.
- Ban Tổ chức sẽ thông báo công khai: toàn bộ chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình. Tất cả ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội cổ đông.
- Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu. Trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội cần phải có giấy ủy quyền của người ủy quyền. Các loại giấy nêu trên nộp cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và

nhận được một Phiếu biểu quyết (ghi số thứ tự cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình).

- Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.
- Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội được thực hiện như sau:
 - Đối với các nội dung: thông qua Chủ tịch đoàn, chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội, Nghị quyết Đại hội biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết màu vàng (đồng ý, không đồng ý hoặc có ý kiến khác)
 - Đối với các nội dung còn lại biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết màu trắng (Đồng ý, không đồng ý hoặc có ý kiến khác). Ban kiểm phiếu sẽ thu Phiếu biểu quyết có ký tên và kết quả biểu quyết cho từng nội dung sẽ được công bố trong bản Nghị quyết Đại hội.

Giá trị biểu quyết của phiếu bầu mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

- Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng phương pháp giơ thẻ biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, hoặc có ý kiến khác) khi biểu quyết mặt trước của Thẻ biểu quyết phải hướng về phía của Đoàn Chủ tịch. Ban Kiểm phiếu biểu quyết sẽ ghi chép và tổng hợp tỉ lệ phần trăm biểu quyết cho từng vấn đề. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỉ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại đại hội.
- Các vấn đề được nêu tại các quy chế riêng (nếu có) sẽ thực hiện theo quy chế đó.
- Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi:
 - Quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành nghề lĩnh vực kinh doanh; Dự án đầu tư hoặc mua bán số tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty: đạt tỉ lệ ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - Thông qua các vấn đề khác: đạt tỉ lệ ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- Các cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội đó để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.



4.3. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

- Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ của Công ty.
- Tuân thủ các quy định tại quy chế này.
- Các cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham gia Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.
- Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm soát công ty sẽ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký

- Hội đồng Quản trị Công ty đề cử Đoàn Chủ tịch để Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đoàn chủ tịch sẽ chỉ định Ban Thư ký Đại hội và đề cử Ban bầu cử để Đại hội thông qua.
- Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị bầu một thành viên khác làm chủ tọa, trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- Chủ tọa Đại hội có quyền quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông và tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
- Chủ tọa Đại hội cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác trong các trường hợp được quy định trong Điều lệ của công ty.
- Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Đoàn Chủ tịch.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 8. Cách thức tiến hành Đại hội

89674
GTY
HÀN
ATNƯỚC
ALAI
D.T.GIA

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung như đã gửi các cổ đông.
Đại hội đồng cổ đông sẽ tổ chức làm một buổi và thông qua các nội dung sau:

- Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban kiểm phiếu biểu quyết.
- Thông qua chương trình Đại hội.
- Biểu quyết thông qua các nội dung như đã được Đoàn Chủ tịch trình bày.
- Thông qua Nghị quyết Đại hội.

Chương IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

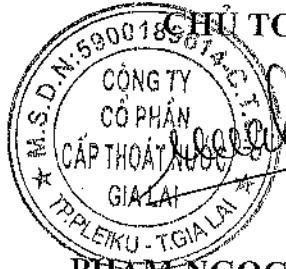
Điều 9. Thông qua Nghị quyết của cuộc họp Đại hội cổ đông

Chủ tọa Đại hội đọc dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 10. Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông phải được thư ký Đại hội ghi vào sổ biên bản của Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

PHẠM NGỌC TIỀN



Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung như đã gửi các cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông sẽ tổ chức làm một buổi và thông qua các nội dung sau:

- Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban kiểm phiếu biểu quyết.
- Thông qua chương trình Đại hội.
- Biểu quyết thông qua các nội dung như đã được Đoàn Chủ tịch trình bày.
- Thông qua Nghị quyết Đại hội.

Chương IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

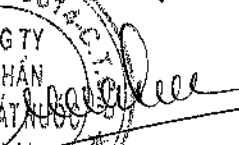
Điều 9. Thông qua Nghị quyết của cuộc họp Đại hội cổ đông

Chủ tọa Đại hội đọc dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 10. Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông phải được thư ký Đại hội ghi vào sổ biên bản của Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
GIA LẠI
TP. PLEIKU - T. GIA LẠI
PHẠM NGỌC TIỀN


CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
GIA LẠI

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2020

VÀ KẾ HOẠCH DỰ KIẾN CHO NĂM 2021

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2020

Năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty có nhiều biện pháp tích cực trong công tác quản lý, có kế hoạch kinh doanh cho từng giai đoạn, nhờ đó Công ty đạt được hầu hết các kế hoạch đề ra.

Công ty đã đạt được một số thành quả đáng kể trong công tác vận hành sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 9,2 tỷ đồng tăng 317,4% so với thực hiện năm 2019 và tăng 175,2% so với kế hoạch đề ra.
- Đầu tư mở rộng 35.172 m mạng lưới phân phối cấp nước các loại ống cấp nước từ phi 40-160 tại địa bàn Tp. Pleiku, phát triển thêm mỗi năm khoảng 1.500 khách hàng mới;
- Cải tạo thay mới 02 máy bơm để tăng công suất tại Trạm bơm tăng áp Pleiku Ró – TP Pleiku – Gia Lai để nâng cao công suất đảm bảo nhu cầu sử dụng nước ngày càng cao của khách hàng tại địa bàn Tp. Pleiku, đồng thời tiết kiệm điện năng giảm bớt chi phí cho công ty.
- Thực hiện cấp nước liên tục 24/7 với chất lượng đảm bảo theo quy chuẩn của bộ Y tế;
- Ban giám đốc thực hiện công tác điều hành đúng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định; thực hiện nghiêm túc các kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Tổng Giám đốc công ty đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT đề ra. Tổng Giám đốc luôn theo sát và có những điều chỉnh phù hợp trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nắm bắt kịp thời những vướng mắc, tồn tại để có những biện pháp xử lý hợp lý.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

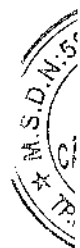
Trong năm 2020, Hội đồng quản trị (HĐQT) cũng đã chia sẻ khó khăn của Công ty và đã nhận mức thù lao tương trưng như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 5.000.000đ/tháng,
- Thành viên HĐQT : 3.000.000đ/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 2.000.000đ/tháng.

2. Hoạt động và quyết định của HĐQT:

Trong năm 2020, HĐQT đã có các cuộc họp nhằm chỉ đạo ban điều hành trong công tác hoàn thiện các thủ tục đầu tư và chỉ đạo các hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn. Cụ thể các cuộc họp và nghị quyết như sau:

Sst	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2020/NQ/HĐQT	19/02/2020	Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020 Thông qua nội dung trình ĐHCĐ thường niên năm 2020	100%
2	02/2020/NQ/HĐQT	10/03/2020	Thông qua việc thay đổi thời gian, địa điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020	100%
3	03/2020/NQ/HĐQT	19/03/2020	Thông qua gia hạn tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 đến trước 30/06/2020 do ảnh hưởng dịch covid - 19	100%
4	04/2020/NQ/HĐQT	17/04/2020	Thông qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Ban điều hành Thông qua các nội dung trình và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
5	05/2020/NQ/HĐQT	17/04/2020	Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2020	100%



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	06/2020/NQ/HĐQT	23/06/2020	Thông nhất bầu Ông Phạm Ngọc Tiến giữ chức vụ chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021 từ ngày 23/06/2020	100%
7	07/2020/NQ/HĐQT	08/09/2020	Thông qua BCTC bán niên năm 2020 đã kiểm toán Thông qua báo cáo hoạt động 6 tháng đầu năm 2020 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2020	100%

Về vấn đề cơ cấu tổ chức và nhân sự của công ty:

Thông qua đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh và ông Vũ Hoàn Thiên; Thông qua đơn từ nhiệm chức danh chủ tịch Hội đồng quản trị của bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh. Bầu bổ sung ông Phạm Ngọc Tiến và Ông Lê Văn Nam là thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2021 từ ngày 23/06/2021. Thông nhất bầu Ông Phạm Ngọc Tiến là chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2021 từ ngày 23/06/2020.

Thông qua đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với bà Hồ Thị Xuân và bà Trịnh Thị Thanh Hà; Thông qua đơn từ nhiệm chức danh Trưởng ban Kiểm soát của bà Hồ Thị Xuân. Bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh và ông Lê Huy Hoàng là thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2021 từ ngày 23/06/2021. Thông nhất bầu Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh là Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2021 từ ngày 23/06/2020.

Về các hoạt động đầu tư của công ty:

Trong năm qua, Công ty đã tiến hành các hoạt động đầu tư mở rộng mạng lưới đường ống, thay mới ống chính và sửa chữa đường ống cũ nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước trong quá trình cung cấp, cụ thể như sau:

- Thực hiện các thủ tục xin hỗ trợ vốn từ Ngân sách để thực hiện di dời cải tạo 13.156m đường ống cấp nước thuộc các tuyến đường TP. Pleiku thuộc dự án Chính trang đô thị Tp Pleiku, bao gồm: CMT8 giai đoạn 2, Ngô Thị Nhậm, Bùi Dự, Đặng Trần Côn, Trần Nguyên Hãn, Lý Thái Tổ, Tôn Đức Thắng, cải tạo, thay thế đường ống cũ. Thay mới các ống chính phi 500,

400, 300 để đảm bảo cung cấp nước liên tục và chất lượng nước theo tiêu chuẩn chất lượng của Bộ Y tế.

- Bên cạnh đó công ty còn đầu tư mở rộng 35.172 m mạng lưới phân phối cấp nước các loại ống cấp nước từ phi 40-160 tại địa bàn Tp. Pleiku, phát triển thêm mỗi năm khoảng 1.500 khách hàng mới.
- Cải tạo thay mới 02 máy bơm để tăng công suất tại Trạm bơm tăng áp Pleiku Ró – TP Pleiku – Gia Lai để nâng cao công suất đảm bảo nhu cầu sử dụng nước ngày càng cao của khách hàng tại địa bàn Tp. Pleiku, đồng thời tiết kiệm điện năng giảm bớt chi phí cho công ty.

Về các hoạt động kinh doanh của công ty:

- Xem xét và phê duyệt các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý từ Ban điều hành;
- Họp định kỳ, xem xét đánh giá kết quả hoạt động hàng quý, chỉ đạo Ban điều hành kịp thời để có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nhằm hoàn thành kế hoạch Đại Hội đồng cổ đông giao.

3. Đánh giá của HĐQT đối với các hoạt động của Ban điều hành:

Ban giám đốc thực hiện công tác điều hành đúng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định; thực hiện nghiêm túc các kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Tổng Giám đốc công ty đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT đề ra. Tổng Giám đốc luôn theo sát và có những điều chỉnh phù hợp trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nắm bắt kịp thời những vướng mắc, tồn tại để có những biện pháp xử lý hợp lý.

Ban Tổng Giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi, khó khăn của Công ty, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động kinh doanh thường ngày, ban hành các văn bản tài liệu theo đúng thẩm quyền nhằm định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và kiểm soát tốt các rủi ro. Đồng thời báo cáo tới hội đồng quản trị để HĐQT thực hiện công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

III. KẾ HOẠCH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021

1. Tình hình đầu tư và kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh năm 2021

Ban điều hành Công ty kết hợp chặt chẽ cùng các sở ban ngành để phát triển đồng thời hệ thống cấp nước cùng với sự phát triển đô thị tại TP Pleiku. Nhờ đó nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo cung cấp nước sạch cho các khu đô thị tại TP. Pleiku và tiết giảm chi phí đầu tư.

Công ty đề xuất các hạng mục đầu tư trong năm 2021 nhằm tận dụng năng lực sản xuất, tiết giảm chi phí, mở rộng mạng cấp nước, tăng sản lượng tiêu thụ cho năm 2021 như sau:

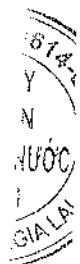
ĐVT: Tr đồng

TT	Tên công trình	Giá trị tạm tính (triệu đồng)
01	Thay đồng hồ đứng, mờ, hết niên hạn... Mua sắm van khóa, van giảm áp, thiết bị phục vụ chống thất thoát	1.050
02	Cải tạo thay thế đường ống sắt tráng kẽm cũ nát và di dời đồng hồ nước	1.000
03	Đầu tư bổ sung cho các dự án di dời đường ống cấp nước tại các tuyến đường nội thị Thành phố Pleiku do Ban quản lý dự án TP Pleiku làm chủ đầu tư.	2.000
04	Đầu tư đường ống cấp nước mới theo gói : Chính trang đô thị tại thành phố Pleiku (Theo các tuyến đường mở rộng của TP)	3.000
05	Cải tạo Trạm bơm nước thô Biển Hồ	2.500
Tổng cộng		9.550

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Năm 2021, HĐQT tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất tạo lợi tức cho công ty và cho cổ đông, cụ thể như sau:

- Phối hợp với Thành phố để phát triển mạng cấp nước tại các khu dân cư mới.
- Xin nguồn hỗ trợ từ Ngân sách để thực hiện cải tạo các tuyến cấp nước thuộc dự án chính trang đô thị của Thành phố Pleiku.
- Thực hiện đúng các nhiệm vụ và chức năng quy định tại Điều lệ công ty;
- Tiếp tục nâng cao chất lượng của bộ máy quản lý, giám sát tiến độ hoàn thành của các nhiệm vụ được giao;
- Triển khai các kế hoạch theo đúng như những mục tiêu đã được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông cho năm 2021;
- Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, đảm bảo hoạt động tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tình hình tài chính của Công ty;
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo cung cấp cho khách hàng sản phẩm dịch vụ chất lượng, an toàn, tiện lợi.
- Quản lý và sử dụng tốt, có hiệu quả tài sản được giao.
- Không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động, tạo điều kiện để người lao động yên tâm công hiến cho Công ty.
- Kiểm tra, giám sát và chỉ đạo việc triển khai các nhiệm vụ quan trọng, hoàn thành các mục tiêu đề ra như sau:



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
Sản lượng tiêu thụ nước sạch	m3	7.001.890
1. Tổng doanh thu	Tr đồng	66.646
Doanh thu bán nước sạch	Tr đồng	51.839
Doanh thu xây lắp	Tr đồng	5.280
Doanh thu khác	Tr đồng	8.518
Doanh thu tài chính	Tr đồng	1.009
2. Tổng chi phí	Tr đồng	53.978
Chi phí trực tiếp	Tr đồng	33.626
Chi phí gián tiếp	Tr đồng	8.861
Chi phí khấu hao	Tr đồng	11.091
Chi phí tài chính	Tr đồng	-
Chi phí khác	Tr đồng	400
3. Thuế TNDN	Tr đồng	2.534
4. Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	10.135

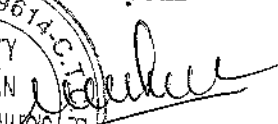
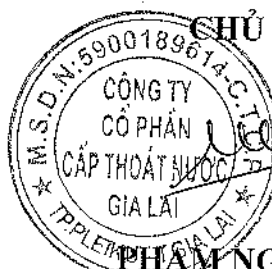
Kính thưa các cổ đông,

Với những thành tựu đạt được năm 2020, HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế lập ra kế hoạch hoạt động 2021 và cũng sẽ song hành cùng Ban điều hành hoàn thiện bộ máy hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đạt được các kế hoạch đã đề ra.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị, tôi muốn gửi lời tri ân đến Quý cổ đông, những người đã ủng hộ chúng tôi đã tin tưởng vào bộ máy điều hành công ty trong suốt năm qua. Chúng tôi cam kết sẽ nỗ lực cố gắng để đạt được các chỉ tiêu phát triển bền vững cho công ty.

Kính chúc Quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH


PHẠM NGỌC TIỀN

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI

Kính thưa các quý vị Cổ đông!

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) theo Luật Doanh nghiệp và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (GLW). Ban Kiểm soát chúng tôi xin báo cáo công tác hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

I. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên:

- | | |
|---------------------------|----------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Trưởng Ban kiểm soát |
| - Bà Nguyễn Thị Quỳnh | Thành viên BKS |
| - Ông Lê Huy Hoàng | Thành viên BKS |

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. BKS đã họp và thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS
2. Các thành viên BKS tham dự hầu hết các phiên họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị (HĐQT) để nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành của GLW
3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai ngày 23/06/2020 và các Nghị quyết của HĐQT.
4. Giám sát việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành.
5. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021
6. Kiểm tra, giám sát, góp ý thủ tục tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
7. Thực hiện một số công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2020, BKS đã tổ chức 02 cuộc họp, cụ thể như sau:

Ngày, tháng	Số thành viên tham dự	Nội dung chính
23/06/2020	3/3 thành viên BKS	Thông nhất bầu Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh là trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2021 từ ngày 23/06/2021
08/09/2020	3/3 thành viên BKS	Thẩm định tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020

IV. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Thù lao của BKS năm 2020: Mức thù lao hàng tháng của các thành viên BKS (bao gồm thuế thu nhập cá nhân) là 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Chi phí hoạt động của BKS năm 2020: không có phát sinh chi phí.

V. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty

- Các hoạt động của HĐQT năm 2020 đã tuân thủ theo quy định của công ty cũng như các quy định của pháp luật hiện hành.
- Các nghị quyết, Biên bản họp của HĐQT ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ hoạt động của Công ty.
- Ban điều hành đã cung cấp đầy đủ các tài liệu của các cuộc họp HĐQT cho từng thành viên tham dự.
- Ban Điều hành Công ty không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành công ty, triển khai xây dựng lại các quy chế, quy định của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và quy định của Nhà nước.

2. Thực hiện chế độ kế toán, BCTC và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế với nhận định chung là phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Công ty vào ngày 31/12/2020, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU		Năm 2020
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.140.799.024
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3.	Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	54.140.799.024
4.	Giá vốn hàng bán	43.661.461.926
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.479.337.098

6.	Doanh thu hoạt động tài chính	1.304.918.698
7.	Chi phí tài chính	9.309.895
8.	Chi phí bán hàng	4.764.189.953
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.825.361.013
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.185.394.935
11.	Thu nhập khác	9.564.111.578
12.	Chi phí khác	2.000.000
13.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	9.562.111.578
14.	Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.747.506.513
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.539.730.475
16.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.207.776.038

VI. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BAN Đ

- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với Hội đồng Quản trị Công ty về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát tại Công ty, phối hợp với Ban Điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát này.
- HĐQT đã kết hợp chặt chẽ với BKS kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty để đóng góp ý kiến với Ban điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra. Các thành viên BKS đều được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, thông qua đó, BKS có cơ hội trao đổi, bàn bạc trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với HĐQT và Ban điều hành với tư cách là giám sát và đại diện cho cổ đông.
- HĐQT, BKS, Ban Điều hành và các Cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đối với Cổ đông, trong năm 2020, Ban kiểm soát Công ty không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty.

VII. KIẾN NGHỊ CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Qua các phân tích, đánh giá nêu trên, để từng bước nâng cao hiệu quả công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát xin kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty các nội dung như sau:

- Đề nghị HĐQT tiếp tục xây dựng chiến lược trung dài hạn phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
- Thường xuyên thực hiện rà soát, hoàn thiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng ban chức năng giúp việc.
- Tiếp tục nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của các phòng ban để thực hiện, giải quyết các công việc trong điều hành sản xuất kinh doanh.

- Có kế hoạch tuyển chọn và đào tạo đội ngũ cán bộ đủ trình độ đáp ứng yêu cầu quản lý, sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thông tin báo cáo cần được cung cấp kịp thời, đầy đủ và đúng quy định cho Ban Kiểm soát.

VIII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty; căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh 2020 và kế hoạch hoạt động 2021, Ban kiểm soát xác định các hoạt động chủ yếu trong năm 2021 như sau:

- Tham gia soát xét Báo cáo tài chính năm 2020 cùng với kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra các hoạt động đầu tư, xây dựng thực hiện các dự án của công ty.
- Kiểm soát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong các công việc sau:
 - + Thực hiện chiến lược của Công ty do Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua;
 - + Thực hiện kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021;
 - + Thực hiện tiến độ huy động vốn cho đầu tư và sử dụng vốn hiệu quả;
 - + Chấp hành đúng điều lệ của Công ty.
- Kiểm tra các hoạt động liên quan khác.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Cấp Thoát nước Gia Lai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
& KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2020

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2019	2020		So sánh	
			Thực hiện	Kế hoạch	TH 2020/TH 2019	TH 2020/KH 2020
Sản lượng tiêu thụ nước sạch (m3)	m3	6.178.761	6.403.567	6.726.170	103,6%	95,2%
Sản lượng ngày (m3)	m3	16.928	17.544	18.428	103,6%	95,2%
Giá bình quân (đồng)	đồng	7.279	7.320	7.422	100,6%	98,6%
TỔNG DOANH THU	Tr Đồng	55.649	68.720	58.522	123,5%	117,4%
Doanh thu nước sạch	Tr Đồng	44.977	47.181	49.925	104,9%	94,5%
Doanh thu xây lắp & Doanh thu khác	Tr Đồng	9.530	20.234	7.779	212,3%	260,1%
Doanh thu hoạt động tài chính	Tr Đồng	1.142	1.305	817	114,3%	159,7%
TỔNG CHI PHÍ	Tr Đồng	52.656	57.973	51.502	110,1%	112,6%
Chi phí trực tiếp	Tr Đồng	32.017	34.269	32.671	107,0%	104,9%
Chi phí gián tiếp	Tr Đồng	10.595	9.977	8.992	94,2%	111,0%
Chi phí khấu hao	Tr Đồng	9.372	10.006	9.839	106,8%	101,7%
Chi phí tài chính	Tr Đồng	12	9	-		
Chi phí khác	Tr Đồng	660	3.712	-		
Lợi nhuận trước thuế	Tr Đồng	2.993	10.747	7.020	359,1%	153,1%
Chi phí thuế TNDN	Tr Đồng	93	1.540	1.764		
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr Đồng	2.900	9.207	5.256	317,4%	175,2%

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm qua, Ban điều hành Công ty thường xuyên đánh giá biến động thị trường, kịp thời đưa ra các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp từng giai đoạn và đảm bảo cung cấp nước 24/7 cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn, tập trung giảm thất thoát và tăng doanh thu tạo lợi nhuận cho Công ty. Phát huy các cơ chế khoán việc, chế độ tiền lương, đẩy nhanh tiến độ thi công lắp đặt, đảm bảo lịch trình ghi thu, tăng thu nhập cho người lao động.

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 9,2 tỷ đồng tăng 317,4% so với thực hiện năm 2019 và tăng 175,2% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận Công ty đạt kết quả cao so với Kế hoạch là do có khoản đền bù, hỗ trợ của Nhà nước để thực hiện các hạng mục di dời cải tạo các đường ống cấp nước thuộc dự án Chính trang đô thị tại TP.Pleiku do Ban quản lý dự án TP Pleiku làm chủ đầu tư. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của các dự án này nên việc cấp nước liên tục bị gián đoạn liên tục, sản lượng tiêu thụ nước sạch của Công ty bị giảm do thường xuyên bị ngưng cung cấp nước từ đó dẫn đến không đạt doanh thu nước sạch như kế hoạch đề ra.

2. Hoạt động quản lý của Ban điều hành:

Ban điều hành công ty thường xuyên họp giao ban để đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh từng tháng, quý, đề ra các phương án thích hợp, nhằm hoàn thành các mục tiêu kế hoạch mà nghị quyết Đại hội cổ đông đề ra.

Công ty thường xuyên thực hiện báo cáo tình hình hoạt động Cấp nước với UBND Tỉnh, đề xuất giải pháp hạn chế khai thác nước ngầm. Phối hợp chặt chẽ với Thành phố Pleiku để thực hiện các chỉ đạo của UBND tỉnh về hạn chế khai thác nước ngầm và phát triển mạng cấp nước phù hợp với Quy hoạch phát triển của Thành phố pleiku.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp chống thất thoát nước, vì hiện nay tỷ lệ thất thoát nước còn cao, mục tiêu năm 2021 giảm tỷ lệ thất thoát xuống còn 30% .

Quản lý chặt chẽ nguồn lực tài chính, tiết kiệm các khoản chi phí không cần thiết nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

Tóm lại: Năm 2020, mặc dù gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh, nhưng Công ty đã nỗ lực thực hiện tốt các mục tiêu mà Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đề ra tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2020. Do Công ty tăng cường triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, triển khai các kênh thu hộ, nâng cao chất lượng dịch vụ, không để nợ đọng nợ xấu, nâng cao hiệu quả quản lý cũng góp một phần vào tăng doanh thu chom đơn vị.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn năm 2020 (Tỷ đồng):

	Tên công trình hạng mục	Giá trị đầu tư 2020	Nguồn vốn đầu tư	
			Nguồn hỗ trợ từ NSNN	Nguồn vốn Chủ sở hữu
1	Mở rộng hệ thống cấp nước-Dự án mở rộng mạng cấp nước TP.Pleiku	6,19	0	6
2	Đầu tư di dời đường ống cấp nước tại các tuyến đường thuộc dự án: "Chính trang đô thị TP.Pleiku	16,75	12,83	3,92

3001
CỘ
CỘ
ÁP TH
G
PLEIKU

3	Cải tạo thay thế đường ống sắt tráng kẽm cũ mục và di dời đồng hồ nước	0,10	0	0
4	Cải tạo trạm bơm tăng áp Pleiku Ro	1,20	0	1
Tổng cộng		24,24	12,83	11,41

Công ty hiện đang cung cấp nước sạch tại địa bàn thành phố Pleiku và thị xã Ayunpa. Hệ thống đường ống cấp nước của công ty được xây dựng trước đây vẫn được duy trì cho hoạt động của công ty cổ phần. Trong những năm qua, Công ty đã tiến hành các hoạt động đầu tư mở rộng mạng lưới đường ống, thay mới ống chính và sửa chữa đường ống cũ nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước trong quá trình cung cấp, cụ thể như sau:

- Thực hiện các thủ tục xin hỗ trợ vốn từ Ngân sách để thực hiện di dời cải tạo 13.156m đường ống cấp nước thuộc các tuyến đường TP. Pleiku thuộc dự án Chính trang đô thị Tp Pleiku, bao gồm: CMT8 giai đoạn 2, Ngô Thị Nhậm, Bùi Dự, Đặng Trần Côn, Trần Nguyên Hãn, Lý Thái Tổ, Tôn Đức Thắng, cải tạo, thay thế đường ống cũ. Thay mới các ống chính phi 500, 400, 300 để đảm bảo cung cấp nước liên tục và chất lượng nước theo tiêu chuẩn chất lượng của Bộ Y tế.
- Bên cạnh đó công ty còn đầu tư mở rộng 35.172 m mạng lưới phân phối cấp nước các loại ống cấp nước từ phi 40-160 tại địa bàn Tp. Pleiku, phát triển thêm mỗi năm khoảng 1.500 khách hàng mới.
- Cải tạo thay mới 02 máy bơm để tăng công suất tại Trạm bơm tăng áp Pleiku Ró – TP Pleiku – Gia Lai để nâng cao công suất đảm bảo nhu cầu sử dụng nước ngày càng cao của khách hàng tại địa bàn Tp. Pleiku, đồng thời tiết kiệm điện năng giảm bớt chi phí cho công ty.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Kế hoạch SXKD 2021

Căn cứ vào tốc độ phát triển đô thị tại Tp Pleiku và kế hoạch đầu tư của Thành phố trong năm 2021, Công ty đặt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện 2020	Tỷ lệ KH 2021/TH 2020
Sản lượng tiêu thụ nước sạch	m ³	7.001.890	6.403.567	109%
1. Tổng doanh thu	Tr đồng	66.646	68.720	97%
Doanh thu bán nước sạch	Tr đồng	51.839	47.181	110%
Doanh thu xây lắp	Tr đồng	5.280	6.960	76%
Doanh thu khác	Tr đồng	8.518	13.274	64%
Doanh thu tài chính	Tr đồng	1.009	1.305	77%
2. Tổng chi phí	Tr đồng	53.978	57.973	93%
Chi phí trực tiếp	Tr đồng	33.626	34.269	98%
Chi phí gián tiếp	Tr đồng	8.861	9.977	89%
Chi phí khấu hao	Tr đồng	11.091	10.006	111%
Chi phí tài chính	Tr đồng	-	9	

896
IGTY
PHÂN
DÁT NU
ALAI
U.TG

Chi phí khác	Tr đồng	400	3.712	
3. Thuế TNDN	Tr đồng	2.534	1.540	165%
4. Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	10.135	9.207	110%

➤ **Cơ sở kế hoạch lập doanh thu năm 2021:**

Năm 2021, Công ty tiếp tục tập trung thực hiện mở rộng hệ thống mạng cấp nước tại các tuyến đường người dân có nhu cầu sử dụng nước, dự kiến trong năm 2021 tăng 2.000 hộ đầu nối mới, doanh thu tiêu thụ nước sạch tăng 10%.

Căn cứ kế hoạch đầu tư Công ty trong năm 2021, Công ty dự kiến các khoản thu từ hoạt động doanh thu lắp đặt nước cho khách hàng là 5,3 tỷ đồng, doanh thu từ khoản hỗ trợ, đền bù của nhà nước từ nguồn vốn NSNN để di dời là 8 tỷ đồng. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	Tỷ lệ
Tổng số đồng hồ	Cái	35.306	33.016	107%
Gắn mới	Cái	2.290	2.358	97%
Sản lượng ghi thu/ngày	m3	19.219	17.260	111%
Sản lượng ghi thu	m3	7.001.890	6.403.567	109%
Doanh thu cung cấp nước	Tr đồng	51.839	47.181	110%
Doanh thu xây lắp	Tr đồng	5.280	6.960	76%
Doanh thu cải tạo và DT khác	Tr đồng	8.518	13.274	64%

➤ **Cơ sở lập kế hoạch chi phí năm 2021 (Tr đồng):**

Căn cứ kế hoạch đầu tư, kế hoạch doanh thu, chi phí, Công ty lập kế hoạch chi phí năm 2021 như sau:

Tổng chi phí	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	Tỷ lệ
Chi phí trực tiếp	33.626	34.269	98%
Nguyên vật liệu sản xuất	1.048	894	117%
Vật tư xây lắp	3.168	3.378	94%
Lương	5.497	5.722	96%
Các khoản trích theo lương	997	838	119%
Điện	6.101	6.251	98%
Phí nước thô	1.430	1.360	105%
Mua sử nước sạch	10.656	10.891	98%
Sửa chữa mạng	722	864	84%
Phân bổ chi phí thay đồng hồ hết niên hạn	2.828	3.011	94%
Tiền thuế đất phi nông nghiệp	18	20	90%
Chi phí khác	1.161	1.039	112%
Chi phí gián tiếp	20.352	23.694	86%
Lương	6.492	7.535	86%
Các khoản trích theo lương	1.092	1.040	105%
Phân bổ chi phí CCDC	197	79	249%
Chi phí khác	1.080	1.323	82%
Khấu hao	11.091	10.006	111%

Chi phí khác	400	3.712	11%
--------------	-----	-------	-----

2. Kế hoạch đầu tư năm 2021

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh 2020, kế hoạch chính trang đô thị của Tp Pleiku, khả năng tài chính và nhu cầu phát triển mạng cấp nước tại TP.Pleiku. Ban điều hành đề xuất các hạng mục đầu tư trong năm 2021 nhằm tận dụng năng lực sản xuất, tiết giảm chi phí, mở rộng mạng cấp nước, tăng sản lượng tiêu thụ cho năm 2021 như sau:

TT	Tên công trình	Giá trị tạm tính (triệu đồng)
01	Thay đồng hồ đứng, mờ, hết niên hạn... Mua sắm van khóa, van giảm áp, thiết bị phục vụ chống thất thoát	1.050
02	Cải tạo thay thế đường ống sắt tráng kẽm cũ nát và di dời đồng hồ nước	1.000
03	Đầu tư bổ sung cho các dự án di dời đường ống cấp nước tại các tuyến đường nội thị Thành phố Pleiku do Ban quản lý dự án TP Pleiku làm chủ đầu tư.	2.000
04	Đầu tư đường ống cấp nước mới theo gói : Chính trang đô thị tại thành phố Pleiku (Theo các tuyến đường mở rộng của TP)	3.000
05	Cải tạo Trạm bơm nước thô Biển Hồ	2.500
Tổng cộng		9.550

Năm 2021, thành phố Pleiku tiếp tục thực hiện dự án Chính trang một số tuyến đường lớn trong đó có các tuyến đường đã có hệ thống cấp nước của Công ty bao gồm: Lý Nam Đế, Ngô Gia Khảm, Kim Đồng, Quyết Tiến, Lê Đại Hành.... Dự kiến Công ty nhận được khoản 8 tỷ đồng hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước để di dời tuyến ống cấp nước. Đây là các tuyến ống chuyển tải phi 300 bằng gang được đầu tư từ trước năm 2004 và tiếp quản 1975, quá trình di dời sẽ gây bể ống, ngưng cung cấp nước diện rộng thời gian dài. Vì vậy Ban điều hành Công ty chủ động đầu tư mới ống HDPE để thay thế các ống Gang cho các Công trình di dời đường ống cấp nước này, dự kiến chi phí đầu tư bỏ ra trên 2 tỷ đồng.

Mặt khác, tại các tuyến đường thuộc dự án chính trang đô thị của Thành phố hiện chưa có tuyến ống cấp nước của Công ty, Công ty kết hợp thực hiện đầu tư đường ống nhằm tiết giảm chi phí đầu tư nhân công và các chi phí khác Dự kiến tổng chi phí đầu tư là 3 tỷ đồng.

Năm 2020, Công ty đã thực hiện cải tạo trạm bơm tăng áp Pleiku Ró, dự án không những nâng công suất hoạt động cho mạng cấp nước mà còn tiết giảm điện năng đáng kể (Giảm 10% chi phí tiền điện). Vì vậy, năm 2021, Ban điều hành công ty tiếp tục thực hiện cải tạo và thay mới 02 máy bơm tại trạm bơm nước thô tại Biển Hồ nhằm đảm bảo nhu cầu cung cấp nước cho thành phố Pleiku và tiết giảm chi phí tiêu thụ điện cho nhà máy.


Công ty lên kế hoạch mua sắm vật tư để thực hiện các hoạt động sửa chữa thường xuyên như: thay thế các đồng hồ mờ hư, đường ống sắt tráng kẽm cũ mục, dự tính chi phí đầu tư 2 tỷ đồng.

III. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

Năm 2021, Ban giám đốc Công ty đề ra mục tiêu chính là đảm bảo tăng trưởng tốt, cải thiện kết quả kinh doanh, tạo lợi nhuận cho Công ty và cổ đông. Để đạt được các mục tiêu trên Công ty đề ra các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Tiếp tục phối hợp với UBND TP, SXD, STNMT thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về chủ trương hạn chế khai thác nước ngầm, tăng cường sử dụng nước sạch tập trung;
- Bám sát tiến độ thực hiện các dự án Chính trang đô thị của Tp Pleiku, tranh thủ các nguồn lực có sẵn mở rộng mạng cấp nước nhằm tăng tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch tại địa bàn, tăng doanh thu nước sạch, tiết kiệm chi phí đầu tư.
- Lập hồ sơ đền bù, hỗ trợ từ NSNN để thực hiện các dự án di dời các tuyến ống cấp nước thuộc dự án Chính trang đô thị của Thành phố. Đồng thời, kết hợp nguồn lực tài chính sẵn có để thay thế các tuyến ống gang thành ống HDPE đảm bảo cung cấp nước sạch theo quy định của Bộ y tế và hệ thống đường ống chuyển tải thường xuyên, an toàn, nhằm giảm tỷ lệ thất thoát.
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, quản lý chặt chẽ chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động;
- Thực hiện các giải pháp giảm thất thoát nước, phấn đấu tỷ lệ hao hụt giảm xuống dưới 30% trong năm 2021;
- Nghiên cứu xây dựng phương án giá, chuẩn bị trình UBND tỉnh xin chủ trương tăng giá nước.
- Rà soát các quy chế lương, quy chế khoán cho phù hợp với hoạt động, nâng cao năng suất và thu nhập cho người lao động, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của ĐHĐCĐ, HĐQT trong quản lý điều hành.

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THÀNH

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 và
Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2020;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai.

Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tổ chức ngày 23/06/2020 đã thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận lũy kế đến cuối năm 2020 là 3.552.000.000 đồng như sau:
 - o Trích Quỹ đầu tư phát triển : 5%
 - o Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi: 5%
 - o Cổ tức: Không chia cổ tức
- Ý kiến người đại diện vốn SCIC: đề nghị HĐQT và Ban điều hành công ty căn cứ kết quả kinh doanh và lợi nhuận sau thuế thực tế năm 2020 để có phương án cụ thể, trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 xem xét, quyết định.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế thì lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2020 là **9.207.776.038 đồng**, lợi nhuận lũy kế đến hết 31/12/2020 là: **7.503.518.306 đồng**.

Nay, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp thoát nước Gia Lai kính trình Đại hội cổ đông thông qua nội dung:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán (Đính kèm)
2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:
 - o Trích Quỹ đầu tư phát triển 5% lợi nhuận được phân phối, số tiền: 375.175.915 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn, chín trăm mười lăm đồng)



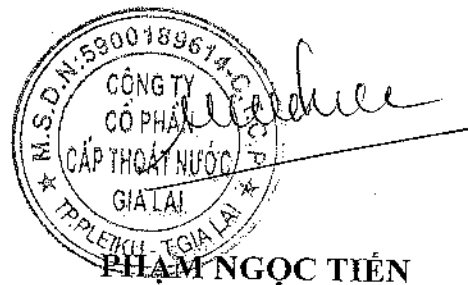
- **Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi 5% lợi nhuận được phân phối, số tiền:** 375.175.915 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn, chín trăm mười lăm đồng)
- **Cổ tức:**
 - ✓ Tỷ lệ cổ tức trên vốn: 3%*VĐL
 - ✓ Cổ tức trên 1 cổ phiếu: 300 đồng
 - ✓ Chia cổ tức năm 2020: 5.400.000.000 đồng (Năm tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn)
- **Lợi nhuận còn lại chưa phân phối:** 1.353.166.476 (Một tỷ, ba trăm năm mươi ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng)

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Thư ký HĐQT

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI**

Số: 02/2021/GLW/HĐQT-TTr

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 03 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai kính trình Đại hội cổ đông thông qua chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 cho Công ty vì một số nguyên nhân sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2020.
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế là một trong các công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2020, theo Quyết định số 1068/QĐ-UBCK ngày 30/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành.
- Mức phí kiểm toán đưa ra là hợp lý và cạnh tranh.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu thư ký HĐQT

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM NGỌC TIẾN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI**

Số: 03/2021/GLW/HĐQT-TTr

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 03 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18 tháng 05 năm 2018;
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai.

Nay, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Gia Lai kính trình Đại hội cổ đông thông qua các nội dung:

1. Kế hoạch đầu tư năm 2021.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh 2020, kế hoạch chỉnh trang đô thị của Tp Pleiku, khả năng tài chính và nhu cầu phát triển mạng cấp nước tại TP.Pleiku. Ban điều hành đề xuất các hạng mục đầu tư trong năm 2021 nhằm tận dụng năng lực sản xuất, tiết giảm chi phí, mở rộng mạng cấp nước, tăng sản lượng tiêu thụ cho năm 2021 như sau:

		DVT: Tr đồng.
TT	Tên công trình	Giá trị tạm tính (triệu đồng)
01	Thay đồng hồ đứng, mờ, hết niên hạn... Mua sắm van khóa, van giảm áp, thiết bị phục vụ chống thất thoát	1.050
02	Cải tạo thay thế đường ống sắt tráng kẽm cũ nát và di dời đồng hồ nước	1.000
03	Đầu tư bổ sung cho các dự án di dời đường ống cấp nước tại các tuyến đường nội thị Thành phố Pleiku do Ban quản lý dự án TP Pleiku làm chủ đầu tư.	2.000
04	Đầu tư đường ống cấp nước mới theo gói : Chỉnh trang đô thị tại thành phố Pleiku (Theo các tuyến đường mở rộng của TP)	3.000
05	Cải tạo Trạm bơm nước thô Biển Hồ	2.500
Tổng cộng		9.550

2. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện 2020	Tỷ lệ KH 2021/TH 2020
Sản lượng tiêu thụ nước sạch	m3	7.001.890	6.403.567	109%
1. Tổng doanh thu	Tr đồng	66.646	68.720	97%
Doanh thu bán nước sạch	Tr đồng	51.839	47.181	110%
Doanh thu xây lắp	Tr đồng	5.280	6.960	76%
Doanh thu khác	Tr đồng	8.518	13.274	64%
Doanh thu tài chính	Tr đồng	1.009	1.305	77%
2. Tổng chi phí	Tr đồng	53.978	57.973	93%
Chi phí trực tiếp	Tr đồng	33.626	34.269	98%
Chi phí gián tiếp	Tr đồng	8.861	9.977	89%
Chi phí khấu hao	Tr đồng	11.091	10.006	111%
Chi phí tài chính	Tr đồng	-	9	
Chi phí khác	Tr đồng	400	3.712	
3. Thuế TNDN	Tr đồng	2.534	1.540	165%
4. Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	10.135	9.207	110%

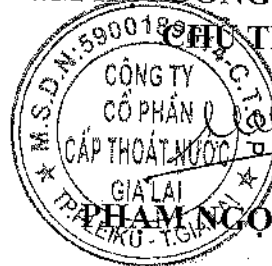
Kính trình đại hội xem xét thông qua./.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Thư ký HĐQT

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

PHẠM NGỌC TIẾN



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI
Số: 04/2021/GLW/HĐQT-TTr

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Gia Lai, ngày 03 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thay đổi điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình dự thảo điều lệ mới (theo mẫu quy định), áp dụng các quy định Pháp luật phù hợp với yêu cầu quản trị, điều hành cũng như tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Thư ký HĐQT





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI

Gia Lai, ngày tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

Điều 49. Năm tài chính

Điều 50. Chế độ kế toán

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 52. Báo cáo thường niên

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

Điều 56. Gia hạn hoạt động

Điều 57. Thanh lý

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai ("Công ty") thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2021 theo Nghị quyết số/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngàytháng.....năm 2021.

Nội dung của Điều lệ được xây dựng trên cơ sở tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều lệ này được ban hành thay thế cho bản Điều lệ ngày 23 tháng 06 năm 2020 của Công ty; nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020, Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các quy định khác của pháp luật có liên quan; làm cơ sở cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1.1 Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;
- b) Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều 34.1 của Điều lệ này hoặc Quy chế tổ chức công ty;
- h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều 33.1 của Điều lệ này;
- i) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- o) Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

- 1.2 Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
- 1.3 Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1 Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

GIA LAI WATER SUPPLY SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt:

GIA LAI WATER

2.1 Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3 Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 388 Lý Thái Tổ, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Điện thoại: 0269-382 4490
- Fax: 0269-371 4288
- E-mail: info@capnuocgialai.com
- Website: www.capnuocgialai.com

2.4 Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

- 2.5 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 55.2 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- 3.1 Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- 4.1 Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
3600 (Chính)	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3700	Thoát nước và xử lý nước thải
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển-đo lường
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ gỗ)
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

	Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp
Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
3600 (Chính)	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3700	Thoát nước và xử lý nước thải
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển-đo lường
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ gỗ)
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp

4.2 Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu sinh lời;
- Tăng cổ tức cho các cổ đông;
- Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước thông qua các loại thuế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

- 5.1 Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- 6.1 Vốn điều lệ của Công ty là 180.000.000.000 Đồng (bằng chữ: Một trăm tám mươi tỷ đồng).
- Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 18.000.000 (bằng chữ: Mười tám triệu) cổ phần, với mệnh giá là 10.000 Đồng/cổ phần (bằng chữ: Mười ngàn đồng mỗi cổ phần).
- 6.2 Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6.3 Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này.
- 6.4 Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6.5 Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
- 6.6 Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
- 6.7 Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

- 7.1 Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
- 7.2 Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

7.3 Trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

7.4 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

8.1 Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

9.1 Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9.2 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

10.1 Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

10.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

10.3 Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

10.4 Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

- 10.5 Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
- 10.6 Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

11.1 Cơ cấu, tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

12.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- d) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

12.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

- d) Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 25, Điều 36 của Điều lệ này;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

13.1 Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- a) Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;
- b) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- c) Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- e) Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- f) Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - ii) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- g) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - i) Vi phạm pháp luật;
 - ii) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - iii) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
- h) Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

- 14.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 14.2 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán tái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
- 14.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.2 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 14.4 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b Điều 14.3 của Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Điều 14.3 của Điều lệ này;
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Điều 14.4 này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Điều 14.4 này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Điều

14.3 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

15.1 Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

15.2 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

- 15.3 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 16.1 Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 16.2 Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 16.1 của Điều lệ này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- 16.3 Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

- 17.1 Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 17.2 Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó

(không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

- 17.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 của Điều lệ này.
- 17.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

- 18.1 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này.
- 18.2 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
- 18.3 Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp

Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 18.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 12.2 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 18.5 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 18.4 của Điều lệ này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều 18.4 của Điều lệ này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 12.2 của Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 18.6 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 18.4 của Điều lệ này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 18.5 của Điều lệ này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 19.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
- 19.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 19.1 của Điều lệ này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 19.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 19.2 của Điều lệ này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần

thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

20.1 Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

20.2 Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a Điều 20.2 này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

20.3 Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

20.4 Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

20.5 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

20.6 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

20.7 Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

20.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

20.9 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều 20.8 của Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

20.10 Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu

quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

21.1 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Sửa và bổ sung Điều lệ;
- b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
- c) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty được quy định tại Điều 11 của Điều lệ này;
- đ) Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

21.2 Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 21.1 của Điều lệ này và các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

21.3 Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

22.1 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 18.3 của Điều lệ này.
- c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - vi) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- d) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- i) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - ii) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - iii) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- d) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - iii) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- e) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- h) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 65% (đối với các vấn đề được quy định tại Điều 21.1), 51% (đối với các vấn đề còn lại) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

23.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 23.1 này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- 23.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 23.3 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 23.4 Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 24.1 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.2 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 21.4 của Điều lệ này.
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- 25.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng cử viên cho Công ty, trong trường hợp ứng cử viên đó đang là thành viên Hội đồng quản trị;
- g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên (nếu có);
- h) Các thông khác (nếu có);

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

- 25.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.2 của Điều lệ này có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ đủ 5% đến dưới 25% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một thành viên; từ đủ 25% đến dưới 50% được đề cử hai thành viên; từ đủ 50% đến dưới 75% được đề cử ba thành viên; và nếu từ đủ 75% trở lên được đề cử đủ năm (05) thành viên.
- 25.3 Trường hợp số lượng ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- 25.4 Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 26.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
- 26.2 Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 26.3 Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành; số thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít nhất là một (01) người.
- 26.4 Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
- 26.5 Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 26.6 Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

27.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

27.2 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; và trong phạm vi thẩm quyền được quy định tại đoạn này, được quy định phân cấp cho Tổng Giám đốc quyết định các phương án đầu tư, dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- i) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - l) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - o) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 27.3 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 28.1 Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 28.2 Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 28.3 Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 28.4 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- 28.5 Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 29.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 29.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
- 29.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 29.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- 29.5 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

- 30.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 30.2 Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
- 30.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

- 30.4 Đề nghị quy định tại Điều 30.3 của Điều lệ này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 30.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 30.3 của Điều lệ này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 30.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- 30.6 Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
- 30.7 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 30.8 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- 30.9 Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 30.11 của Điều lệ này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- 30.10 Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

- 30.11 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 30.12 Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- 31.1 Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số (trên 50%) thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 31.2 Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

- 32.1 Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
- 32.2 Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- 32.3 Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - Tham dự các cuộc họp;
 - Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

- 33.1 Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

- 34.1 Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các Giám đốc bộ phận/đơn vị trực thuộc của Công ty.
- 34.2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
- 34.3 Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- 34.4 Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

- 35.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc trừ trường hợp được quy định tại Điều 29.2 của Điều lệ này.
- 35.2 Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- 35.3 Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

35.4 Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; đại diện Công ty ký kết các hợp đồng tài chính, thương mại và các hợp đồng dân sự khác;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- k) Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- l) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

35.5 Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

36.1 Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 25.1 và Điều 25.2 của Điều lệ này.

- 36.2 Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

- 37.1 Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 37.2 Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- 37.3 Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 37.2 của Điều lệ này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- 37.4 Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

- 38.1 Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số (trên 50%) thành viên dự họp. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 38.2 Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

39.1 Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác;
- d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
- i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
- l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

40.1 Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát

tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

- 40.2 Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

- 41.1 Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
- 41.2 Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 41.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

- 42.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 43.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- 43.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- 43.3 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 43.4 Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 43.5 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- 43.6 Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
- Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên

có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 44.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 44.2 Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
- 44.3 Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

- 45.1 Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
- a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
- 45.2 Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

- 45.3 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 45.4 Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
- 45.5 Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

- 46.1 Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
- 46.2 Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

- 47.1 Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
- 47.2 Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 47.3 Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- 47.4 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực

hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- 47.5 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- 47.6 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

- 48.1 Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 48.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 48.3 Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

- 49.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 50. Chế độ kế toán

- 50.1 Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
- 50.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 50.3 Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

- 51.1 Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 51.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
- 51.3 Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

- 52.1 Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI
KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

- 53.1 Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
- 53.2 Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
- 53.3 Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII
DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

- 54.1 Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- 54.2 Hội đồng quản trị quyết định loại dầu, số lượng, hình thức và nội dung dầu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
- 54.3 Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

55.1 Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

55.2 Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

- 56.1 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- 56.2 Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

- 57.1 Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 57.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong

tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

57.3 Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

58.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Tổng giám đốc chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

58.2 Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

58.3 Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

- 59.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
- 59.2 Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

- 60.1 Bản Điều lệ này gồm Phần mở đầu, 21 chương, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai nhất trí thông qua vào ngày tháng 06 năm 2021 tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông; có hiệu lực kể từ ngày được thông qua; thay thế cho bản Điều lệ ngày 23 tháng 06 năm 2020 của Công ty.
- 60.2 Điều lệ này được lập thành hai (02) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 60.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 60.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI
Số: 05/2021/GLW/HĐQT-TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Gia Lai, ngày 03 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị của
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai

Căn cứ:

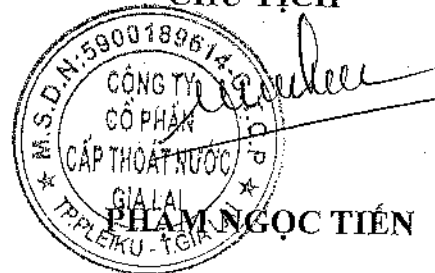
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai như tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Thư ký HĐQT

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH





DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI**

Gia Lai, ngày tháng 06 năm 2021



Số/2021/QC-HĐQT

Gia Lai, ngày ... tháng 06 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai ngày ... tháng 06 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số ngày ... tháng 06 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2021; theo đó, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần cấp thoát nước Gia Lai;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần cấp thoát nước Gia Lai:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1 Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

1.2 Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

2.1 Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) "Công ty" là Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai;
- c) "Quy chế" là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai;
- d) "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- e) “Điều lệ Công ty” là Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước ngày tháng 06 năm 2021;
- 2.2 Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.
- 2.3 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 3.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 3.2 Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 15 của Điều lệ Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4.1 Thâm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều 14.3, và theo quy định tại điểm a Điều 14.4 của Điều lệ Công ty;
- b) Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp được quy định tại điểm b Điều 14.4 của Điều lệ Công ty;
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.2 của Điều lệ Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp được quy định tại điểm c Điều 14.4 của Điều lệ Công ty.

4.2 Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4.3 Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số

doanh nghiệp hoặc sổ giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

- c) Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4.4 Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- b) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
- c) Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông kèm theo thông báo mời họp và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - iii) Phiếu biểu quyết;
 - iv) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4.5 Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp):

- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 12.2 của Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm b Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b Điều này;
 - ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 12.2 của Điều lệ Công ty;
 - iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm c Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4.6 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
- c) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4.7 Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó
- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4.8 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp

4.9 Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- a) Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - ii) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác theo quy định tại Điều 4.6 của Quy chế này tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;
 - iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - v) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
- b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - i) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
 - ii) Định hướng phát triển công ty;
 - iii) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - iv) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - v) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - vi) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - vii) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Quy định tại mục i và mục ii điểm b của Điều này không bắt buộc áp dụng đối với việc sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty liên quan hoặc về các vấn đề được quy định tại mục viii điểm a Điều 5.1 của Quy chế này.

4.10 Cách thức bỏ phiếu;

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

4.11 Cách thức kiểm phiếu:

- a) Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.
- b) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

4.12 Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

- a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, :
 - i) Sửa và bổ sung Điều lệ;
 - ii) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
 - iii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - iv) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty được quy định tại Điều 11 của Điều lệ Công ty;
 - v) Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - vi) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- b) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a Điều này và các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
- c) Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4.13 Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

4.14 Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - iii) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - iv) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - v) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - vi) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - viii) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - ix) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a Điều này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- c) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4.15 Công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

5.1 Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

- a) Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - i) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - ii) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - iii) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - iv) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - v) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - vi) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - vii) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - viii) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty về các nội dung liên quan đến tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty; thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty; vốn điều lệ, cổ phần của Công ty sau khi hoàn thành mỗi đợt chào bán;
 - ix) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - x) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - xi) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - xii) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định điểm b Điều 4.9 sẽ không được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

5.2 Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- a) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 4.4 của Quy chế này.
- b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - vi) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- i) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - ii) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - iii) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- d) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - iii) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- d) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- e) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- g) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 65% (đối với các vấn đề được quy định tại điểm a Điều 4.12), 51% (đối với các vấn đề còn lại) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến; và hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

- 6.1 Hội đồng quản trị được quyền quyết định áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến.
- 6.2 Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 6.3 Căn cứ các quy định về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 4 của Quy chế này, và công nghệ thông tin hiện đại được áp dụng để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Hội đồng quản trị có quyền và trách nhiệm xây dựng và ban hành bổ sung vào Quy chế này các quy định về các nội dung dưới đây và các nội dung liên quan khác trước khi triển khai hình thức họp trực tuyến, hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến:
 - a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - d) Điều kiện tiên hành;
 - đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
 - g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;

- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - k) Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- 6.4 Các quy định về họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tuyến, hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến do Hội đồng quản trị ban hành bổ sung theo Điều 6.3 của Quy chế này có hiệu lực áp dụng ngay để triệu tập và tổ chức cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông (“cuộc họp hiện tại”) mà không nhất thiết phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trước đó, miễn là các quy định bổ sung đó được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngay tại cuộc họp hiện tại.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 7.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 7.2 Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau được quy định tại Điều 27.2 của Điều lệ Công ty.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

- 8.1 Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 8.2 Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- d) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
- 8.3 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
- 8.4 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
- 8.5 Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

9.1 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
- b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.
- c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

9.2 Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành; số thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít nhất là một (01) người.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- c) Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại điểm c Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- ii) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - iii) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - iv) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - v) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
- d) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm d Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

9.3 Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.2 của Điều lệ Công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ đủ 5% đến dưới 25% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một thành viên; từ đủ 25% đến dưới 50% được đề cử hai thành viên; từ đủ 50% đến dưới 75% được đề cử ba thành viên; và nếu từ đủ 75% trở lên được đề cử đủ năm (05) thành viên.
- b) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm a Điều này phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
- c) Trường hợp số lượng ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

9.4 Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

9.5 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 9.2 của Quy chế này;
 - ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - iii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
- b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - ii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
- c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Điều này.
- d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - i) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - ii) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm số lượng tối thiểu theo quy định tại điểm a Điều 9.2 của Quy chế này;
 - iii) Trừ trường hợp quy định tại mục i và mục ii điểm d của Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

9.6 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - ii) Trình độ chuyên môn;

- iii) Quá trình công tác;
- iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- v) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- vi) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng cử viên cho Công ty, trong trường hợp ứng cử viên đó đang là thành viên Hội đồng quản trị;
- vii) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên (nếu có);
- viii) Các thông khác (nếu có);

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

- b) Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

9.7 Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị gửi hồ sơ liên quan đến việc đề cử cho Công ty gồm:
 - i) Thông báo về việc đề cử ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị theo mẫu do Công ty ban hành;
 - ii) Sơ yếu lý lịch của người được đề cử ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị theo mẫu do Công ty ban hành;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, và người được đề cử ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị phải liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật, và trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực nội dung hồ sơ đề cử.

9.8 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- c) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

Điều 10. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 10.1 Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 10.2 Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 10.3 Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 10.4 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- 10.5 Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

11.1 Số lượng cuộc họp tối thiểu:

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

11.2 Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - i) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - ii) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - iii) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
- b) Đề nghị quy định tại điểm a Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

11.3 Thông báo họp Hội đồng quản trị:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và

quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

- b) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

11.4 Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Ban kiểm soát:

- a) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

11.5 Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

11.6 Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 11.7 của Quy chế này;
 - iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- b) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11.7 Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- a) Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua tại cuộc họp nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- c) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

11.8 Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11.9 Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

- a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii) Thời gian, địa điểm họp;
 - iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - v) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 11.10 của Quy chế này.
- b) Chủ tọa, người ghi biên bản, những người ký tên trong biên bản theo quy định tại Điều 11.10 của Quy chế này phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- c) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- d) Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

11.10 Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định

tại các mục i, ii, iii, iv, v, vi, vii và viii điểm a Điều 11.9 của Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

11.11 Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

12.1 Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

12.2 Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 của Luật Doanh nghiệp và Điều 13 của Quy chế này.

12.3 Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty trong trường hợp sau đây:

- a) Không đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 12.1 của Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết cần thay thế Người phụ trách quản trị công ty ngoài các trường hợp được quy định tại điểm a và điểm b Điều này;
- d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

12.4 Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin (nếu có).

12.5 Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;

- d) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Thư ký công ty

13.1 Việc bổ nhiệm Thư ký công ty:

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty.

13.2 Các trường hợp miễn nhiệm Thư ký công ty:

Hội đồng quản trị miễn nhiệm Thư ký công ty trong trường hợp sau đây:

- a) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- b) Khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thay thế Thư ký công ty hoặc không cần thiết có vị trí Thư ký công ty;
- d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

13.3 Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Thư ký công ty:

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Thư ký công ty được thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin (nếu có).

13.4 Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

14.1 Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 39.1 Điều lệ Công ty.

Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

15.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

15.2 Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

15.3 Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

15.4 Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

15.5 Trường hợp vi phạm quy định tại các Điều 15.1, 15.2, 15.3 và 15.4 của Điều lệ này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

15.6 Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 16. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

16.1 Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

16.2 Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

16.3 Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

- a) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 25.1 và Điều 25.2 của Điều lệ Công ty.
- b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

16.4 Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

16.5 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

- a) Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 37.2 của Điều lệ Công ty và Điều 16.2 của Quy chế này;
 - ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- b) Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - ii) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - iii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - iv) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

16.6 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

- a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
- i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - ii) Trình độ chuyên môn;
 - iii) Quá trình công tác;
 - iv) Các chức danh quản lý khác;
 - v) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - vi) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - vii) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
- b) Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

16.7 Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:

- a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
- b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 17. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

17.1 Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

17.8 Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 35.4 của Điều lệ Công ty.

Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

18.1 Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

18.2 Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc:

- a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị (không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị) hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
- b) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký kết, chấm dứt Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc trên cơ sở các quyết định của Hội đồng quản trị.

18.3 Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

Việc thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

18.4 Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:

- a) Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- b) Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 19. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

19.1 Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc gồm các nội dung chính sau đây được quy định trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, và Quy chế hoạt động của Ban điều hành:

- a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;
 - b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;
 - c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc;
 - d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
 - e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc;
 - g) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.
- 19.2 Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, và Quy chế hoạt động của Ban điều hành.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

- 20.1 Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
- 20.2 Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 21 Điều khoản thi hành

- 21.1 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần cấp thoát nước Gia Lai bao gồm 07 chương 21 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng quản trị ban hành ghi ở phần đầu của Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHẠM NGỌC TIẾN